

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tống Văn H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976; Địa chỉ: Ấp BHH, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Khóm BHH, phường TL, tỉnh Đồng Tháp).

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp BHH, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Khóm BHH, phường TL, tỉnh Đồng Tháp).

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 8 năm 2025 của nguyên đơn anh Tống Văn H, trình bày: Anh với chị Lê Thị Ng cưới nhau vào năm 2001 (không nhớ ngày tháng), có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTHB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường TL, tỉnh Đồng Tháp). Trước khi tiến hôn nhân thì anh và chị Ng có tìm hiểu trước vài tháng. Sau khi cưới sống bên gia đình anh. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu vui

về hạnh phúc, sau khi sinh con được 07 tháng thì tự động chị Ng ẵm con về nhà cha mẹ sống từ đó cho đến nay, vợ chồng không có cự cãi nhau gì hết. Trong thời gian không còn sống chung thì có gặp nhau nhiều lần nhưng không nói chuyện ở lại được. Nay tình nghĩa vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Ng. Về con chung: Anh và chị Lê Thị Ng sống chung với nhau có được với nhau 01 con chung là Tống Nhựt H1, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2002, hiện đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn chị Lê Thị Ng đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Ng vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 9, 19, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của anh Tống Văn H với chị Lê Thị Ng; Về con chung: Có 01 con chung tên Tống Nhựt H1, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2002, hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Tống Văn H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp) yêu cầu giải quyết ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Ng. Hiện chị Ng đang cư trú tại phường TL, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Ng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng chị Ng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc

trở ngại khách quan. Nguyên đơn anh Tống Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Ng, anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Tống Văn H và chị Nguyễn Thị Ng được pháp luật công nhận do có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTHB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường TL, tỉnh Đồng Tháp) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, anh Tống Văn H cho rằng anh và chị Nguyễn Thị Ng chung sống với nhau không có cự cãi gì nhau nhưng sau khi sinh con được 07 tháng thì tự động chị Ng ãm con về nhà cha mẹ sống từ đó cho đến nay, trong thời gian không còn sống chung thì có gặp nhau nhiều lần nhưng không nói chuyện ở lại được. Xét, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ sống chung cùng nhau. Chị Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Ng cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với anh H, điều này cho thấy chị Ng không có thiện chí để đoàn tụ với anh H. Nhận thấy hôn nhân giữa anh H và chị Ng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Tống Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh Tống Văn H và chị Nguyễn Thị Ng có được 01 con chung là Tống Nhật H1, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2002, hiện đã trưởng thành, anh H nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về chia tài sản chung: Anh Tống Văn H cho rằng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết, còn chị Nguyễn Thị Ng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về nợ chung: Anh Tống Văn H cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn chị Nguyễn Thị Ng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Tống Văn H chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Tống Văn H. Cho anh Tống Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ng.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Tống Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0003805 ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh H không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND phường Thường Lạc, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng